

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỬA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 09 - 2018

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Sùng A Đông và bà Lò Thị Dậu

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Thế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên

Ngày 27 tháng 09 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2018/ TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 08 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1 . *Nguyên đơn:* anh Lê Thanh T - SN 1992; Nơi cư trú: Tổ dân phố TN, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên /có mặt

2 . *Bị đơn:* chị Vũ Ngọc T2- SN 1997; Nơi cư trú: Số nhà 56A, tổ 14, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên / Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lê Thanh T và bị đơn chị Vũ Ngọc T2 chung sống với nhau từ năm 2015 do sự tự nguyện của cả hai bên, hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T ngày 18/9/2015; Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm trong giải quyết công việc chung gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và hai người đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với chị Vũ Ngọc T2; Về con chung: Hai người có 01 con chung là Lê Sơn H – SN: 08/02/2016, hiện nay con đang ở cùng với bị đơn; nguyên đơn yêu cầu con chung giao cho bị đơn nuôi dưỡng và hàng tháng nguyên đơn có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000đ/ tháng. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Trong các văn bản ghi ý kiến của bị đơn chị Vũ Ngọc T2 đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, bị đơn

đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, nhất trí về việc nuôi con và mức cấp dưỡng, về tài sản chung không có và không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên hòa giải bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết ly hôn vắng mặt. Tại phiên tòa, Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, bị đơn xin giải quyết vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như nội dung các bản khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại văn bản thỏa thuận viết ngày 30/7/2018 các đương sự đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết việc ly hôn, căn cứ theo điểm b khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, TAND huyện T thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn lần thứ nhất, xét bị đơn đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Về nguyên nhân xin ly hôn do hai bên không có tiếng nói chung trong các vấn đề gia đình, bất đồng quan điểm sống, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, do đó bị đơn đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Thành phố Điện Biên Phủ từ tháng 01/2017 đến nay; Về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn bị đơn đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và nhất trí ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ theo trình bày của các bên và chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa, xác định tình cảm của hai bên đến nay không còn, tình trạng hôn nhân của anh T và chị T2 có nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bị đơn cũng nhất trí ly hôn, HĐXX thấy yêu cầu, nguyện vọng của các bên phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về chăm sóc nuôi dưỡng con chung:

HĐXX xét thấy hai người có 01 con chung là cháu Lê Sơn H- sinh ngày 08/02/2016. Các bên đều nhất trí giao cho bị đơn chị Vũ Ngọc T2 nuôi con chung, xét thấy thỏa thuận của các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại các văn bản ghi ý kiến của các bên đã nhất trí nguyên đơn anh Lê Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000đ/ 1 tháng, phương thức cấp dưỡng: hàng tháng, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng: từ tháng

08/2018, thời gian trả tiền cấp dưỡng: vào ngày 20 hàng tháng, do đó HĐXX cần công nhận và buộc nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 điều 207, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 55; khoản 1,2 Điều 81; khoản 2 điều 82 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố Anh Lê Thanh T và chị Vũ Ngọc T2 ly hôn.

2. Về chăm sóc, nuôi dưỡng con chung:

Giao cho chị Vũ Ngọc T2 nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Sơn Hải - sinh ngày 08/02/2016.

Cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 1.000.000đ/1 tháng (*một triệu đồng một tháng*), phương thức cấp dưỡng: hàng tháng, thời gian trả tiền cấp dưỡng: từ tháng 08/2018 đến khi cháu Lê Sơn Hải đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thời điểm trả tiền cấp dưỡng: vào ngày 20 hàng tháng, số tiền cấp dưỡng nuôi con do chị Vũ Ngọc T2 nhận.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của các con chung, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Nguyên đơn anh Lê Thanh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng; tổng cộng anh T phải chịu 600.000đ án phí, nhưng được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh T đã nộp, anh Lê Thanh T phải nộp tiếp 300.000đ án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện T;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Anh Tuấn